

	Khái niệm (tiếng Việt)	ENGLISH
1.	<p>Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện.</p>	<p>Legal norm means a general rule of conduct, commonly binding on and applied repeatedly to agencies, organizations and individuals nationwide or within a certain administrative unit, promulgated by a competent state agency or person defined in this Law, and the implementation of which is guaranteed by the State.</p>
2.	<p>Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành</p>	<p>Subjects directly affected by a legal document means agencies, organizations or individuals whose rights, obligations and responsibilities are directly affected by the application of such document after it is promulgated</p>
3.	<p>Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh là việc Ủy ban thường vụ Quốc hội làm rõ tinh thần, nội dung của điều, khoản, điểm trong Hiến pháp, luật, pháp lệnh để có nhận thức, thực hiện, áp dụng đúng, thống nhất pháp luật</p>	<p>Interpretation of the Constitution, a law or an ordinance means the clarification by the Standing Committee of the National Assembly of the ideas and contents of certain articles, clauses and points in the Constitution, a law or an ordinance so that they are perceived, implemented and applied correctly and uniformly</p>
4.	<p>Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hiến pháp. 2. Bộ luật, luật (sau đây gọi chung là luật), nghị quyết của Quốc hội. 3. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. 4. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước. 5. Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa 	<p>The system of legal documents:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. The Constitution. 2. Codes, laws (below collectively referred to as laws) and resolutions of the National Assembly. 3. Ordinances and resolutions of the Standing Committee of the National Assembly; joint resolutions between the Standing Committee of the National Assembly and the Presidium of the

<p>Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</p> <ol style="list-style-type: none"> 6. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. 7. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. 8. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước. 9. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh). 10. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 11. Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. 12. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện). 13. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện. 14. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã). 15. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã. 	<p>Central Committee of the Vietnam Fatherland Front.</p> <ol style="list-style-type: none"> 4. Orders and decisions of the President. 5. Decrees of the Government; joint resolutions between the Government and the Presidium of the Central Committee of the Vietnam Fatherland Front. 6. Decisions of the Prime Minister. 7. Resolutions of the Judicial Council of the People's Supreme Court. 8. Circulars of the Chief Justice of the People's Supreme Court; circulars of the Procurator General of the Supreme People's Procuracy; circulars of ministers, heads of ministerial-level agencies; joint circulars between the Chief Justice of the Supreme People's Court and the Procurator General of the Supreme People's Procuracy; joint circulars between ministers, heads of ministerial-level agencies and the Chief Justice of the Supreme People's Court and the Procurator General of the Supreme People's Procuracy; decisions of the State Auditor General. 9. Resolutions of People's Councils of provinces and centrally run cities (below collectively referred to as provincial-level People's Councils). 10. Decisions of provincial-level People's Committees. 11. Legal documents of local administrations in special administrative-economic units. 12. Resolutions of People's Councils of districts, towns and provincial cities (below collectively referred to as district-
---	--

		<p>level People’s Councils).</p> <p>13. Decisions of district-level People’s Committees.</p> <p>14. Resolutions of People’s Councils of communes, wards and townships (below collectively referred to as commune-level People’s Councils).</p> <p>15. Decisions of commune-level People’s Committees.</p>
5.	<p>Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật. 2. Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 3. Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật. 4. Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính. 5. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 6. Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 	<p>Principles of formulation and promulgation of legal documents:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ensuring the constitutionality, lawfulness and uniformity of legal documents in the legal system. 2. Complying with the competence, form and order and procedures for formulating and promulgating legal documents. 3. Ensuring transparency of provisions of legal documents. 4. Ensuring the feasibility, economy, effectiveness, timeliness, accessibility and enforceability of legal documents; ensuring the integration of gender equality issues in legal documents; ensuring requirements for reform of administrative procedures. 5. Ensuring national defense, security and environmental protection requirements without obstructing the implementation of treaties to which the Socialist Republic of Vietnam is a contracting party. 6. Ensuring publicity and democracy in the receipt of, and response to, opinions and proposals of individuals, agencies and organizations during the formulation and promulgation of legal documents.

6.	Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Agency, organization or person competent to submit a draft legal document
7.	Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật	Agency or organization in charge of drafting a legal document
8.	Cơ quan thẩm định	Appraising agency
9.	Cơ quan thẩm tra	Verifying agency
10.	Văn bản quy định chi tiết	Detailing documents (detailing laws or resolutions of the National Assembly, ordinances or resolutions of the Standing Committee of the National Assembly, or orders or decisions of the President
11.	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật	Amendment, supplementation, replacement, annulment or suspension of implementation of legal documents
12.	Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh	Law- and ordinance-making program
13.	Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của cơ quan, tổ chức	Law and ordinance formulation proposals of agencies and organizations
14.	Kiến nghị về luật, pháp lệnh, đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của đại biểu Quốc hội	Law or ordinance motions, law or ordinance formulation proposals of National Assembly deputies
15.	Tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý	Summarize, study, give explanations to and accept contributed opinions
16.	Hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, văn bản kiến nghị về luật, pháp lệnh	Dossiers of law or ordinance formulation proposal; written law or ordinance motions
17.	Hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh bao gồm: a) Tờ trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, trong đó phải nêu rõ: sự cần thiết ban hành luật, pháp lệnh; mục đích, quan điểm xây dựng luật, pháp lệnh; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của luật, pháp lệnh; mục tiêu, nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do của việc lựa chọn; dự kiến nguồn lực, điều	A dossier of law or ordinance formulation proposal must comprise: a/ A report on the law or ordinance formulation proposal, which must specify the necessity of promulgation of such law or ordinance; the law or ordinance formulation purposes and viewpoints; subjects and scope of regulation of the

	<p>kiện bảo đảm cho việc thi hành luật, pháp lệnh sau khi được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua; thời gian dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự án luật, pháp lệnh;</p> <p>b) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;</p> <p>c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;</p> <p>d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác; bản chụp ý kiến góp ý;</p> <p>đ) Đề cương dự thảo luật, pháp lệnh.</p>	<p>law or ordinance; objectives and principal contents of policies in the law or ordinance formulation proposal, solutions for implementation of the selected policy and reasons for the selection; estimated resources and conditions for ensuring the implementation of the law or ordinance after it is passed by the National Assembly or the Standing Committee of the National Assembly; projected time for submission to the National Assembly or the Standing Committee of the National Assembly for consideration and passage;</p> <p>b/ Report on assessment of impacts of policies in the law or ordinance formulation proposal;</p> <p>c/ Report on law implementation or social relations related to the law or ordinance formulation proposal;</p> <p>d/ A report on summarization, giving of explanations to and acceptance of opinions of the Ministry of Finance, the Ministry of Home Affairs, the Ministry of Foreign Affairs, the Ministry of Justice and other agencies and organizations; photocopies of the opinions;</p> <p>dd/ The outline of the draft law or ordinance.</p>
18.	Thẩm định đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh do Chính phủ trình	Appraisal of proposals for formulation of laws or ordinances to be submitted by the Government
19.	<p>Nội dung thẩm định tập trung vào các vấn đề sau đây:</p> <p>a) Sự cần thiết ban hành luật, pháp lệnh; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của luật, pháp lệnh;</p>	<p>The appraisal shall focus on:</p> <p>a/ Necessity of promulgation of the law or ordinance; subjects and scope of</p>

	<p>b) Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;</p> <p>c) Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật và tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách, các giải pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;</p> <p>d) Tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;</p> <p>đ) Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nếu chính sách liên quan đến thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nếu chính sách liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;</p> <p>e) Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.</p>	<p>regulation by the law or ordinance;</p> <p>b/ Conformity of policy contents with the line and policies of the Party and policies of the State;</p> <p>c/ The constitutionality, legality and consistency of policies with the legal system; feasibility and predictability of policy contents; solutions and conditions for ensuring the implementation of the proposed policies in the law or ordinance formulation proposal;</p> <p>d/ Compatibility of policy contents in the law or ordinance formulation proposal with relevant treaties to which Socialist Republic of Vietnam is a contracting party;</p> <p>dd/ Necessity, reasonability and compliance cost of administrative procedures of the policies in the law or ordinance formulation proposal, if they are related to administrative procedures; integration of gender equality issues in the proposal, if they are related to gender equality;</p> <p>e/ Observance of the order and procedures for making the law or ordinance formulation proposal.</p>
20.	Thẩm tra đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh	Verification of law or ordinance formulation proposals and law or ordinance motions
21.	Lập dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh	Formulation of tentative law- and ordinance-making programs
22.	Thành lập Ban soạn thảo và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội	Establishment of Drafting Boards and appointment of agencies in charge of drafting laws and resolutions of the National Assembly, and ordinances and resolutions of the Standing Committee of

		the National Assembly
23.	Tổ biên tập	Editorial group
24.	Công bố luật, pháp lệnh, nghị quyết	Promulgation of laws, ordinances and resolutions
25.	Trách nhiệm lập danh mục văn bản quy định chi tiết	Responsibility to make lists of detailing documents
26.	Triển khai xây dựng văn bản quy định chi tiết	Formulation of detailing documents
27.	Đề nghị xây dựng nghị định	Decree formulation proposal
28.	Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn	Formulation and promulgation of legal documents according to the simplified order and procedures
29.	<p>Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quyết định của Quốc hội. 2. Trường hợp để ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định. 3. Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. 	<p>Cases of formulation and promulgation of legal documents according to the simplified order and procedures:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. State of emergency as prescribed by the law on state of emergency; urgent response to natural disasters, epidemics, fires and explosions; urgent situations for solving practical problems under decisions of the National Assembly. 2. Suspension of the effect of a legal document in part or in whole for a certain period. 3. Prompt revision to conform with a new legal document.
30.	Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật	Effective dates of legal documents
31.	Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật	Retrospective effect of legal documents
32.	Ngưng hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật	Suspension of effect of legal documents
33.	Hiệu lực về không gian	Spatial effect
34.	Giám sát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật	Supervision and handling of legal documents showing signs of unlawfulness

35.	Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Consolidation of legal documents, codification of the system of legal norms, review and systemization of legal documents
36.	Bộ pháp điển	Legal Code Là công việc tập hợp, công bố pháp luật một cách hệ thống, thuận tiện cho việc tra cứu.
37.	Nhà nước pháp quyền	Là một học thuyết đề cao tính tối thượng của pháp luật, có nhiều thuộc tính, trong đó pháp luật phải đáng tin cậy, lường trước được, áp dụng phải công bằng, không phụ thuộc vào cá nhân (pháp luật bất vị thân).
38.	Pháp chế xã hội chủ nghĩa	Là một học thuyết trong chế độ XHCN theo đó pháp luật thể hiện đường lối lãnh đạo của Đảng cộng sản, được ban hành và tổ chức thực thi trong xã hội, buộc các phần tử trong xã hội phải tuân thủ thực hiện.
39.	Văn bản Quy phạm pháp luật	Là những văn bản chứa quy phạm pháp luật, có tính áp dụng chung, được ban hành theo thể thức chặt chẽ quy định tại Luật Ban hành VBQPPL 2015.
40.	Văn bản chỉ đạo điều hành	Là văn bản có tính hướng dẫn, có thể là hành vi hành chính, có tính vụ việc, không áp dụng chung, không cần tuân thủ các quy định của Luật Ban hành VBQPPL 2015.
41.	Đánh giá tác động của một dự án luật	Là một công đoạn trong xây dựng pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo phải thực hiện theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL 2015.
42.	Rà soát thẩm tra văn bản pháp luật	Là một chức năng của Bộ Tư pháp và các cơ quan chức năng cùng ngành dọc ở địa phương nhằm kiểm tra tính hợp pháp,

		hợp hiến về thể thức và nội dung của văn bản quy phạm pháp luật.
43.	Quyền luật pháp	Là quyền thẩm định và thông qua luật của cơ quan dân cử.
44.	Nghị trình	Chương trình làm việc của cơ quan dân cử.
45.	Bill (dự luật)	The primary form of legislative measure used to propose law. Depending on the chamber of origin, bills begin with a designation of either H.R. or S.
46.	Bill summary (tóm tắt/trích yếu dự luật)	<p>Upon introduction of a bill or resolution in the House or Senate, legislative analysts in the Congressional Research Service of the Library of Congress write a short summary that objectively describes the measure's significant provisions. Introduced version summaries are subject to length limitations as a matter of policy.</p> <p>When a measure receives action (e.g., it is reported from a committee or passed by the House or Senate), the analysts then write an expanded summary, detailing the measure's effect upon programs and current law. Bill summaries are written as a result of a congressional action and may not always correspond to a document published by the Government Publishing Office. A final public law summary is prepared upon enactment into law.</p> <p>Each summary description identifies the date and version of the measure, and indicates whether there have been amendments: e.g., Passed House amended (07/19/2013).</p>
47.	Committee Chair (Chủ nhiệm ủy ban)	The member of the majority party on a committee who has formal responsibility over the panel's agenda and resources, presides at its meetings, and can, in

		some circumstances, act on the committee's behalf.
48.	Hearing (Điều trần)	A formal meeting of a congressional committee (or subcommittee) to gather information from witnesses for use in its activities (that is, the development of legislation, oversight of executive agencies, investigations into matters of public policy, or Senate consideration of presidential nominations).
49.	Quorum (Điều kiện tối thiểu để một phiên họp hợp lệ)	Minimum number of members of a chamber (or committee) required for the transaction of certain types of business.
50.	Veto (Quyền phủ quyết của hành pháp)	Presidential disapproval of a bill or joint resolution presented to him for enactment into law. If a president vetoes a bill, it can become law only if the House and Senate separately vote (by two-thirds) to override the veto. A less common form of presidential veto – a pocket veto – occurs if Congress has adjourned without the possibility of returning and the president does not sign the measure within the required 10-day (excluding Sundays) period.